

Số: 14/2015/TTLT-BGDĐT-BTC-
BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2015

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015 và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015 và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 20).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 20

1. Điểm c Khoản 2 Điều 5 sửa đổi như sau:

“c) Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đi học trung cấp nghề và trung cấp chuyên nghiệp”.

2. Đoạn đầu của Khoản 1 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Trong vòng 30 ngày kể từ ngày khai giảng năm học, cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông, học viên học chương trình trung học cơ sở và trung học phổ thông học ở các trung tâm giáo dục thường xuyên; cơ sở, sinh viên, học viên học ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học có đơn đề nghị miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập gửi cơ sở giáo dục như sau:

- Đối với các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên: Mẫu đơn theo phụ lục I.

- Đối với các đối tượng thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên: Mẫu đơn theo phụ lục II.

- Đối với các đối tượng thuộc diện miễn, giảm học phí học ở cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học: Mẫu đơn theo phụ lục III”.

3. Gạch đầu dòng thứ hai Điều a Khoản 1 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“- Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Thông tư này là trẻ em học mẫu giáo, học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa; Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho đối tượng là học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ; Kết luận của Hội đồng xét duyệt trợ cấp xã hội cấp xã (Mẫu số 01- ban hành kèm theo Thông tư số 26/2012/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2012 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội) đối với đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Thông tư này là trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên bị tàn tật, khuyết tật và giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo của Ủy ban nhân dân cấp xã”.

4. Gạch đầu dòng thứ nhất Khoản 1 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“- Phòng giáo dục và đào tạo: Đối với trẻ em học mẫu giáo, học sinh tiểu học thuộc trường hợp được hỗ trợ chi phí học tập, học sinh học trung học cơ sở (đơn cấp bù tiền miễn, giảm học phí mẫu theo phụ lục IV; đơn hỗ trợ chi phí học tập mẫu theo phụ lục II)”.

5. Đoạn thứ ba Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp bù tiền học phí miễn, giảm cho cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập được hạch toán vào tài khoản thu học phí của cơ sở này và được tự chủ sử dụng theo quy định hiện hành về chế độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập”.

6. Khoản 1 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Phòng giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp bằng tiền mặt cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả”.

7. Khoản 2 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Sở giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp bằng tiền mặt cho cha mẹ học sinh (hoặc học sinh) trung học phổ thông, học viên học ở các trung tâm giáo dục thường xuyên và học sinh học tại các cơ sở giáo dục khác do Sở giáo dục và đào tạo quản lý hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả”.

8. Khoản 1 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Phòng giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp bằng tiền mặt (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả) cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo, học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở”.

9. Khoản 8 Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“8. Đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học đã nộp đầy đủ hồ sơ trước ngày 31 tháng 8 năm 2013 nhưng chưa được nhận tiền hỗ trợ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 49/2010/NĐ-CP được thực hiện như sau:

- Các Phòng lao động - thương binh và xã hội cấp huyện tiếp tục chi trả tiền miễn, giảm học phí cho năm học 2012-2013 đối với người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và hỗ trợ chi phí học tập cho năm học 2012-2013 đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông.

- Các Phòng giáo dục và đào tạo, Sở giáo dục và đào tạo tiếp tục chi trả tiền miễn, giảm học phí cho năm học 2012-2013 đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập”.

10. Bổ sung khoản 9 vào Điều 17 như sau:

“9. Trường hợp vì lý do khách quan, năm học 2012-2013, học sinh, sinh viên thuộc đối tượng miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập mới nộp hồ sơ đề nghị được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đối với năm học 2010-2011; 2011-2012: Các địa phương chỉ xem xét giải quyết đối với các trường hợp nộp đơn đề nghị miễn, giảm học phí kèm theo đầy đủ các giấy tờ cần thiết trước ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH.

Trường hợp vì lý do khách quan, năm học 2014-2015, học sinh, sinh viên thuộc đối tượng miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập mới nộp hồ sơ đề nghị được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đối với năm học 2013-2014; 2014-2015: Các địa phương, các cơ sở giáo dục chỉ xem xét giải quyết đối với các trường hợp nộp đơn đề nghị miễn, giảm học phí kèm theo đầy đủ các giấy tờ cần thiết trước ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 20”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **01** tháng **9** năm 2015.

Các chế độ hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo đề phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, giải quyết./.

| | | |
|---|--|--|
| KT. BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI THỨ TRƯỞNG | KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH THỨ TRƯỞNG | KT. BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỨ TRƯỞNG |
|  Huỳnh Văn Tí |  Trương Chí Trung |  Bùi Văn Ga |

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở GD&ĐT, Sở Tài chính, Sở LĐTBXH;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ GD&ĐT, Bộ TC, Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Bộ GD&ĐT, Bộ TC, Bộ LĐTBXH.